

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /2017/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 13 tháng 9 năm 2017

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LẠNG SƠN	
ĐẾN	Số: 603
Chuyển	Ngày 13/9/2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 234/TTr-STC ngày 06/9/2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng thu phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai (bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính).

3. Mức thu phí như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Đơn vị tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí thu được: Đơn vị tổ chức thu phí được trích để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ. Phần còn lại

90% nộp vào ngân sách Nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra thực hiện việc thu phí theo các quy định hiện hành.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm cấp biên lai thu cho các đơn vị có thu phí và tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### **3. Trách nhiệm của tổ chức thu phí**

a) Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí.

b) Lập và giao chứng từ thu cho người nộp phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Báo cáo tình hình thu, nộp, quản lý, sử dụng phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

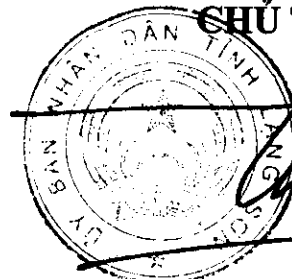
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 và thay thế Quyết định số 09/2004/QĐ-UBND ngày 12/02/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định mức thu phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Lạng Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tòa Án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn;
- PVP UBND tỉnh, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH. *cc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Thương**



**Phụ lục**  
**Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**  
**trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**  
*(Kèm theo Quyết định số 34 /2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Số TT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức thu: (1.000 đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin ĐT	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
<b>I</b>	<b>Hồ sơ tài liệu đất đai</b>					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang A4	40	35	45	40
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang A4	40	35	45	40
3	Hồ sơ đo đạc địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
4	Hồ sơ địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
5	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang A4	40	35	45	40
6	Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 trang A4	40	35	45	40
7	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
8	Hồ sơ xây dựng bảng giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
9	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang A4	40	35	45	40
10	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
11	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học	01 trang A4	40	35	45	40
12	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
13	Số liệu tài liệu thổ nhượng	01 trang A4	40	35	45	40
14	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang A4	40	35	45	40
15	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang A4	40	35	45	40

16	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang A4	40	35	45	40
17	Thông tin Quy hoạch của thửa đất	01 trang A4	40	35	45	40
18	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang A4	40		40	
19	Tài liệu Scan (in màu)	01 trang A4	50	40	55	45
<b>II</b>	<b>Các loại bản đồ</b>					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh A1	955	80	99	80
2	Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất	01 mảnh A1	95	80	99	80
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (vector)	01 mảnh A1		80		80
4	Bản đồ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (vector)	01 mảnh A1		80		80
5	Bản đồ đo đạc địa chính	01 mảnh A1	95	80	99	80
6	Các loại bản đồ trong Atlas Lạng Sơn	01 mảnh A1	95	80	99	80
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh A1	100	100	100	90
8	Các loại bản đồ chuyên đề khác (trừ bản đồ hành chính, địa chính cơ sở, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình)	01 mảnh A1	95	100	100	80
<b>III</b>	<b>Hồ sơ khác</b>					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	45		50	